

Bản án số: 112/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 29/8/2024

V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Khắc Hiệp.

Ông Lê Mộng Linh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 166/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2024/QĐST - HNGĐ ngày 12/8/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị H, sinh năm: 1990; Địa chỉ: số nhà A, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Cao Văn T, sinh năm: 1987; Địa chỉ: số nhà A, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn chị Ngô Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án - chị Ngô Thị H trình bày:*

Chị và anh Cao Văn T kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre là hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống giữa chị và anh T có sinh được 01 con chung tên Cao Hoài H1, sinh ngày 09/8/2019. Tài sản chung và nợ chung không có.

Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây, hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nên nay, về hôn nhân chị yêu cầu được ly hôn với anh Cao Văn T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Về con chung tên Cao Hoài H1, sinh ngày

09/8/2019, chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, nên chị không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Cao Văn T** luôn vắng mặt trong các lần hòa giải, công khai chứng cứ, xét xử nên không có lời trình bày.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh **Cao Văn T** được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70 và khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Ngô Thị H**, chị **H** được ly hôn với anh **Cao Văn T**. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, chị **H** không có yêu cầu nên không xem xét. Về con chung chị **H** được trực tiếp nuôi con chung tên **Cao Hoài H1**, sinh ngày 09/8/2019. Anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị **H** không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: chị **H** trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Ngô Thị H** có đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh **Cao Văn T**. Bị đơn anh **Cao Văn T** có nơi cư trú tại **số nhà A, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre** nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Chị **H** có đơn xin xét xử vắng mặt còn anh **T** đã được Tòa triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh **T** vắng mặt không có lí do, nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị **Ngô Thị H** và anh **Cao Văn T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre**, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/5/2018 theo đúng quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung, giữa chị **H** và anh **T** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng giữa chị **H** và anh **T** không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng vẫn

không hàn gắn lại được, còn anh **T** đều vắng mặt mỗi lần Tòa triệu tập, không có lời trình bày. Bên cạnh đó, qua xác minh đối với bà **Ngô Thị B** là chị gái ruột của chị **H** thì bà **B** cũng cho rằng trong thời gian chị **H** và anh **T** sống chung với nhau thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau ngay từ khi hai người cưới nhau về, sống không có hạnh phúc, anh **T** thường xuyên nhậu về chửi bới chị **H**. Hai vợ chồng cự cãi nhau khiến bé **H1** rất sợ hãi, mỗi khi chị **H** và anh **T** cãi nhau thì bé **H1** thường chạy lên nhà của bà. Anh **T** có đánh đập chị **H** khiến công an xã vào can ngăn tới hai lần. Lẽ đó, có căn cứ cho thấy trong thời gian sống chung giữa chị **H** và anh **T** đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, từ lúc chị **H** yêu cầu ly hôn đến nay, tình cảm vợ chồng giữa chị **H** và anh **T** không hàn gắn lại được, điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân giữa chị **H** và anh **T** đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Thấy rằng, nếu tiếp tục cuộc sống hôn nhân sẽ không hạnh phúc và không đạt được mục đích. Nên nay chị **H** có yêu cầu được ly hôn với anh **T** là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Khi ly hôn, chị **H** không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[3] Về con chung: Chị **H** trình bày trong thời gian sống chung giữa chị **H** và anh **T** có sinh được 01 con chung tên **Cao Hoài H1**, sinh ngày 09/8/2019. Khi ly hôn, chị **H** yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, hiện cháu **H1** mới chỉ có 4 tuổi, cần điều kiện chăm sóc, giáo dục, cần sự quan tâm của mẹ nhiều hơn, còn anh **T** không có yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu **H1** cho chị **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận việc anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị **H** không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị **H** trình bày không có, còn anh **T** vắng mặt, không có ý kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết về tài sản chung do không có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Chị **H** trình bày không có, còn anh **T** vắng mặt, không có ý kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Ngô Thị H** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 177, 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Ngô Thị H** đối với anh **Cao Văn T**. Chị **Ngô Thị H** được ly hôn với anh **Cao Văn T**.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn không đặt vấn đề xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

- Về con chung: Chị **H** được trực tiếp nuôi con chung tên **Cao Hoài H1**, sinh ngày 09/8/2019. Anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị **H** không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn cha, mẹ người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị **H** trình bày không có, còn anh **T** vắng mặt không có ý kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

- Về nợ chung: Chị **H** trình bày không có, còn anh **T** vắng mặt không có ý kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Ngô Thị H** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000134 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Như vậy án phí chị **H** đã nộp xong.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, VP).

(đã ký)

**Nguyễn Thị Thủy Tiên**